

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **123/2021/HS-ST**

Ngày: 09-6-2021.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Lê Quyên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Đăng Khánh Phương;

Bà Mai Lương Anh.

**-Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hương – Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

**-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Bà Đoàn Dỹ Ly Đan - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 66/2021/TLST-HS ngày 26 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2020/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Trần Thanh N**; sinh ngày 07 tháng 9 năm 1992, tại Cần Thơ; Hộ khẩu thường trú: 103/3B đường T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ; nơi ở: 57 đường Đ, phường C, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C (chết) và bà Trần Thị Thanh X, sinh năm 1963; chồng, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; hiện đang tại ngoại tại phường C, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *(Có mặt)*

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** Chị Nguyễn Hoàng Bảo N1, sinh năm 1987; nơi cư trú: 83 đường N, phường A, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *(Vắng mặt)*

**- Người làm chứng:**

1. Anh Võ Thành D; *(Vắng mặt)*

2. Anh Phan Vũ Nhật P; *(Vắng mặt)*

3. Anh Trần Đức H; (*Vắng mặt*)

4. Chị Lê Nguyễn Thúy L; (*Vắng mặt*)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mối quan hệ quen biết bạn bè từ trước nên vào tháng 03/2020, chị Nguyễn Hoàng Bảo N1 có liên hệ vay tiền của Nguyễn Trần Thanh N. Do muốn có thêm tiền kinh doanh và tiêu xài cá nhân nên N nảy sinh ý định cho chị N1 vay tiền lấy lãi. Do ngại quan hệ bạn bè nên N nói với chị N1 sẽ giới thiệu chị N1 để chị N1 vay tiền của ông Phan Vũ Nhật P (là bạn của N) thì chị N1 đồng ý. Sau đó, N hỏi vay của ông P 02 lần tổng số tiền 48.000.000 đồng và đề nghị ông P chuyển số tiền này cho N qua số tài khoản của chị N1 là 4147...- Ngân hàng A. Toàn bộ quá trình cho vay và lấy lãi suất vay đối với chị N1 đều do N thực hiện, chị N1 không có bất cứ liên hệ, giao dịch gì với ông P. Cụ thể như sau:

Lần 1: Vào ngày 20/3/2020, chị N1 hỏi vay 30.000.000 đồng thì được N thông báo lãi suất là 15%/tháng và sẽ cắt lãi trước 01 tháng tương ứng số tiền 4.500.000 đồng thì chị N1 đồng ý. Lúc này, N nhờ ông P chuyển số tiền 25.500.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng A- số TK 4147... của chị N1. Số tiền lãi 4.500.000 đồng được tính từ ngày 20/3/2020 đến ngày 20/4/2020.

Lần 2: Vào ngày 27/03/2020, chị N1 tiếp tục hỏi vay 30.000.000 đồng, thì được N thông báo lãi suất là 25%/tháng và sẽ cắt lãi trước 01 tháng tương đương số tiền 7.500.000 đồng thì chị N1 đồng ý. N tiếp tục nhờ ông P chuyển số tiền 22.500.000 đồng vào tài khoản của chị N1 như trên. Số tiền lãi 7.500.000 đồng được tính từ ngày 27/3/2020 đến ngày 27/4/2020.

Sau đó, việc trả tiền gốc và lãi vay giữa chị N1 và N như sau:

- Khoản vay lần 1 (từ ngày 20/4/2020 đến ngày 20/5/2020): Ngày 13/05/2020, chị N1 trả cho N số tiền lãi 4.500.000 đồng tương ứng với lãi suất 15%/tháng thông qua tài khoản ngân hàng của chị Lê Nguyễn Thúy L (bạn của N).

- Khoản vay lần 2 (từ ngày 27/4/2020 đến ngày 27/5/2020): Ngày 13/05/2020, chị N1 trả cho N số tiền lãi 7.500.000 đồng tương ứng với lãi suất 25%/tháng thông qua tài khoản ngân hàng của chị Lê Nguyễn Thúy L.

Như vậy, ngày 13/5/2020, chị N1 trả cho N số tiền lãi là 12.000.000 đồng của kỳ tiếp theo đối với cả hai khoản vay thông qua tài khoản ngân hàng của chị Lê Nguyễn Thúy L. Sau đó, chị L đã chuyển lại số tiền này cho N. Lúc này, chị N1 và N thỏa thuận sẽ gộp chung hai khoản vay trên với nhau để trả gốc và lãi chung, hai bên chưa thỏa thuận lãi suất và cũng không thỏa thuận ngày trả tiền cũng như số tiền lãi và gốc mỗi lần trả mà bất cứ khi nào chị N1 có tiền thì sẽ trả cho N rồi hai bên sẽ cùng tính toán thống nhất đó là tiền lãi hay tiền gốc.

- Kỳ tiếp theo là từ ngày 27/5/2020 đến ngày 27/6/2020: Ngày 26/05/2020, do đang trong giai đoạn dịch covid nên chị N1 chỉ trả cho N số tiền mặt là 3.600.000 đồng tiền lãi (tương ứng lãi suất là 6%/tháng) tại nhà của chị N1, địa chỉ 8/10 đường C, phường H, thành phố Đ.

- Kỳ tiếp theo là từ ngày 27/6/2020 đến ngày 27/7/2020: Ngày 30/6/2020, chị N1 nhờ anh Trần Đức H (bạn của chị N1) trả cho N số tiền mặt 20.000.000 đồng gồm: 10.700.000 đồng là tiền gốc và 9.300.000 đồng là tiền lãi, tương ứng với lãi suất 15,5%/tháng tại nhà N, địa chỉ 57 đường Đ, phường C, thành phố Đ. Lúc này, do N không có ở nhà nên đã nhờ bạn là anh Võ Thành D nhận giúp. Sau đó, anh D đã đưa lại toàn bộ số tiền này cho N. Cũng trong ngày 30/6/2020, N và chị N1 thỏa thuận lãi suất vay từ đó trở đi là 10%/tháng.

- Kỳ tiếp theo là từ 27/7/2020 đến 27/8/2020: chị N1 đã 05 lần trả tiền cho N thông qua hình thức chuyển khoản vào tài khoản số 190351519..... - Ngân hàng T của anh Võ Thành D với tổng số tiền là 34.950.000 đồng. Trong đó có 30.020.000 đồng là tiền gốc còn 4.930.000 đồng là tiền lãi, cụ thể:

Ngày 05/7/2020: chị N1 chuyển 5.000.000 đồng gồm: 4.930.000 đồng là tiền lãi và 77.000 đồng tiền gốc;

Ngày 10/7/2020, chị N1 chuyển 5.000.000 đồng tiền gốc;

Ngày 14/7/2020, chị N1 chuyển 3.950.000 đồng tiền gốc;

Ngày 16/7/2020, chị N1 chuyển 1.000.000 đồng tiền gốc;

Ngày 24/7/2020, chị N1 chuyển 20.000.000 đồng tiền gốc.

- Kỳ tiếp theo là từ ngày 27/8/2020 đến ngày 27/9/2020: Ngày 29/08/2020, chị N1 trả cho N số tiền 2.000.000 đồng gồm: tiền gốc là 77.000 đồng, tiền lãi là 1.923.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản qua tài khoản Ngân hàng T của anh D như trên.

- Kỳ tiếp theo là từ ngày 27/9/2020 đến ngày 27/10/2020: Ngày 10/9/2020, chị N1 trả cho N số tiền 1.500.000 đồng là tiền lãi bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản Ngân hàng T của anh D như trên.

- Ngày 08/10/2020, chị N1 trả cho N số tiền mặt 10.000.000 đồng là tiền gốc tại nhà N.

Hiện chị N1 vẫn còn nợ N số tiền gốc là 9.203.000 đồng.

Như vậy, trong thời gian từ tháng 03/2020 đến tháng 10/2020, N đã cho chị N1 vay tổng số tiền gốc là 60.000.000 đồng với lãi suất cho vay từ 10% - 25%/tháng/khoản vay. Chị N1 đã trả cho N tổng số tiền là 96.050.000 đồng, bao gồm: tiền nợ gốc là 50.797.000 đồng và tiền lãi là 45.253.000 đồng (trong đó: số tiền lãi hợp pháp là 5.942.500 đồng, số tiền lãi vượt quá quy định là 39.310.500 đồng).

Cáo trạng số 69/CT-VKS ngày 18/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo Nguyễn Trần Thanh N về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa,

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng bổ sung một phần Cáo trạng số 69/CT-VKS ngày 18/3/2021 về số tiền gốc và lãi cũng như mức lãi suất mà bị cáo N đã cho chị N1 vay, cụ thể số tiền gốc cho vay là 48.000.000 đồng với mức lãi suất cho vay từ 13,22% - 52,06%/tháng/khoản vay thành số tiền gốc cho vay là 60.000.000 đồng với lãi suất cho vay từ 10% - 25%/tháng/khoản vay. Số tiền chị N1 đã trả cho N là 92.450.000 đồng, bao gồm: tiền gốc là 50.797.000 đồng và tiền lãi là: 41.653.000 đồng (trong đó: số tiền lãi hợp pháp là: 4.942.500 đồng, số tiền lãi vượt quá quy định là: 36.710.500 đồng). Đối với số tiền lãi chị N1 trả cho N ngày 26/05/2020 (kỳ trả lãi từ ngày 27/5/2020 đến ngày 27/6/2020) là 3.600.000 đồng tiền lãi, tương ứng lãi suất là 6%/tháng chưa vượt quá 5 lần mức lãi suất quy định nên không xử lý trách nhiệm hình sự đối với N trong lần bị cáo nhận số tiền lãi này.

Bị cáo N đã khai nhận toàn bộ hành vi mà mình thực hiện như nội dung Cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo và ý kiến bổ sung nói trên của đại diện Viện kiểm sát, không có nội dung gì khác. Bị cáo không thắc mắc gì về nội dung bản cáo trạng và ý kiến bổ sung cáo trạng của Viện kiểm sát, không thắc mắc khiếu nại gì về các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng trình bày luận tội, tranh luận đối với bị cáo: giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Trần N về tội danh, điều luật áp dụng theo cáo trạng số 69/CT-VKS ngày 18/3/2021 và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Trần Thanh N phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”

*Về hình phạt:* Đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Trần Thanh N số tiền từ 60.000.000 (*sáu mươi triệu*) đồng đến 65.000.000 (*sáu mươi lăm triệu*) đồng.

*Về biện pháp tư pháp:* Đề nghị:

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền mà bị cáo sử dụng vào việc phạm tội và khoản tiền phát sinh từ tội phạm tổng cộng là 55.739.500 (*năm mươi lăm triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn năm trăm*) đồng, bao gồm số tiền gốc mà bị cáo N đã sử dụng cho chị N1 vay và chị N1 đã trả cho bị cáo là 50.797.000 đồng và số tiền lãi hợp pháp bị cáo đã thu của chị N1 là 4.942.500 đồng (được trừ vào số tiền 10.000.000 đồng mà cơ quan điều tra đã thu giữ của bị cáo và số tiền 10.000.000 đồng bị cáo đã tự nguyện nộp) nên bị cáo còn phải nộp số tiền còn lại là 35.739.500 (*ba mươi lăm triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn năm trăm*) đồng.

- Truy thu số tiền 9.203.000 (*chín triệu hai trăm lẻ ba nghìn*) đồng nợ gốc chị N1 chưa trả cho bị cáo, đây là tiền bị cáo N sử dụng vào việc phạm tội để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo trả lại cho chị N1 khoản tiền lãi vượt quá quy định là 36.710.500 (*ba mươi sáu triệu bảy trăm mười nghìn năm trăm*) đồng.

*Về xử lý vật chứng:* Đề nghị

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước 01 (một) máy điện thoại di động hiệu Iphone 11 promax màu vàng là phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

- Trả lại cho bị cáo 01 Căn cước công dân; 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Trần Thanh N.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo trình bày đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tố tụng: Tại phiên tòa, người liên quan chị N1 có đơn xin xét xử vắng mặt; những người làm chứng là anh D, anh P, anh H, chị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, tuy nhiên xét thấy việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Về căn cứ kết tội bị cáo: Đối chiếu lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người tham gia tố tụng khác, vật chứng thu giữ, cùng các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ xác định: Từ tháng 03/2020 đến tháng 10/2020, bị cáo Nguyễn Trần Thanh N đã cho chị Nguyễn Hoàng Bảo N1 vay 02 lần với tổng số tiền gốc là 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng với mức lãi suất giao động từ 10%/tháng đến 25%/tháng tương ứng từ 120%/năm đến 300%/năm, cao hơn mức lãi suất vay theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 từ 5 đến 15 lần và thu lợi bất chính tổng số tiền là 36.710.500 (ba mươi sáu triệu bảy trăm mười nghìn năm trăm) đồng. Hành vi của bị cáo Nguyễn Trần Thanh N thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đối với số tiền lãi 3.600.000 đồng mà chị N1 trả cho bị cáo N vào ngày 26/05/2020 (đối với kỳ trả lãi từ ngày 27/5/2020 đến ngày 27/6/2020), tương ứng lãi suất là 6%/tháng, chưa vượt quá 5 lần mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng không xử lý trách nhiệm hình sự đối với bị cáo N trong lần nhận số tiền lãi này là đúng quy định.

Đối với ông Phan Vũ Nhật P, quá trình điều tra xác định việc bị cáo N sử dụng tiền vay của ông P cho chị N1 vay lấy lãi thì ông P không biết nên không có căn cứ để xử lý đối với ông P là đúng quy định.

[3]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã tự nguyện nộp một phần số tiền sử dụng vào việc phạm tội là 10.000.000 đồng nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[5]. Về quyết định hình phạt: Xét thấy hiện nay, hành vi cho vay lãi nặng đang có xu hướng gia tăng và lan rộng, là mầm mống làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác, gây mất an ninh trật tự, mất ổn định xã hội, ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân. Bản thân bị cáo là người đã thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi cho vay lãi nặng là hành vi bị pháp luật nghiêm cấm nhưng chỉ vì tư lợi cá nhân mà bị cáo đã cố ý thực hiện là thể hiện sự liều lĩnh và xem thường pháp luật của bị cáo. Hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, gây ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng một mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi mà bị cáo đã gây ra, tuy nhiên khi áp dụng hình phạt, Hội đồng xét xử cũng cân nhắc bản thân bị cáo có nhân thân tốt, hành vi của bị cáo thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, tại phiên tòa bị cáo thể hiện sự ăn năn hối cải nên chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát, không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục cải tạo riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[6]. Về biện pháp tư pháp: Xét thấy:

[6.1] Đối với số tiền gốc mà bị cáo N sử dụng cho chị N1 vay và chị N1 đã trả cho bị cáo là 50.797.000 (*năm mươi triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn*) đồng và số tiền lãi hợp pháp bị cáo đã thu của chị N1 là 4.942.500 (*bốn triệu chín trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm*) đồng, tổng cộng là 55.739.500 (*năm mươi lăm triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn năm trăm*) đồng, đây là tiền bị cáo sử dụng vào việc phạm tội và khoản tiền phát sinh từ tội phạm nên buộc bị cáo N nộp lại số tiền này để tịch

thu sung vào Ngân sách Nhà nước (được khấu trừ vào số tiền 10.000.000 đồng mà cơ quan điều tra đã thu giữ của bị cáo và số tiền 10.000.000 đồng bị cáo đã tự nguyện nộp) nên bị cáo còn phải nộp số tiền còn lại là 35.739.500 (*ba mươi lăm triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn năm trăm*) đồng.

[6.2] Đối với số tiền nợ gốc chị N1 vay nhưng chưa trả cho bị cáo là 9.203.000 (*chín triệu hai trăm lẻ ba nghìn*) đồng, đây là tiền bị cáo N sử dụng vào việc phạm tội nên buộc truy thu số tiền này từ chị N1 để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

[6.3]. Đối với khoản tiền lãi vượt quá quy định là 36.710.500 (*ba mươi sáu triệu bảy trăm mười nghìn năm trăm*) đồng mà bị cáo đã thu của chị N1, đây là khoản tiền lãi bị cáo thu lợi bất chính từ chị N1 nên buộc bị cáo phải trả lại số tiền này cho chị N1.

[7]. Về xử lý vật chứng: Xét thấy:

- 01 (một) máy điện thoại di động hiệu Iphone 11 promax màu vàng là phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

- 01 Căn cước công dân; 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Trần Thanh N là giấy tờ tùy thân của bị cáo nên trả lại cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Trần Thanh N phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 201; Điều 35; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt Nguyễn Trần Thanh N số tiền 60.000.000 (*sáu mươi triệu*) đồng.

3. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

3.1. Về biện pháp tư pháp:

- Buộc bị cáo Nguyễn Trần Thanh N nộp lại tổng số tiền bị cáo sử dụng vào việc phạm tội và khoản tiền phát sinh từ tội phạm là 55.739.500 (*năm mươi lăm triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn năm trăm*) đồng (bao gồm số tiền gốc bị cáo cho chị N1 vay và được chị N1 trả cho bị cáo là 50.797.000 (*năm mươi triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn*) đồng và số tiền lãi hợp pháp bị cáo đã thu của chị N1 là 4.942.500 (*bốn triệu chín trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm*) đồng để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước (được khấu trừ vào số tiền 10.000.000 (*mười triệu*) đồng cơ quan điều tra đã thu giữ của bị cáo theo biên lai thu tiền số AA/2017/0001603 ngày 22/3/2021 và số tiền 10.000.000 (*mười triệu*) đồng bị cáo tự nguyện nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0001632 ngày 09/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh

Lâm Đồng) nên bị cáo N còn phải nộp tiếp số tiền là 35.739.500 (ba mươi lăm triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn năm trăm) đồng.

Truy thu từ chị N1 số tiền 9.203.000 (chín triệu hai trăm lẻ ba nghìn) đồng nợ gốc mà chị N1 chưa trả cho bị cáo (đây là số tiền bị cáo N sử dụng vào việc phạm tội) để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

Buộc bị cáo N có trách nhiệm trả lại cho chị N1 khoản tiền lãi vượt quá quy định là 36.710.500 (ba mươi sáu triệu bảy trăm mười nghìn năm trăm) đồng.

### 3.2. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước 01 (một) máy điện thoại di động hiệu Iphone 11 promax màu vàng – Imei: 353892109699655 của bị cáo N sử dụng vào việc phạm tội.

- Trả lại cho bị cáo N 01 (một) căn cước công dân số 0919200.... và 01 (một) chứng minh nhân dân số 36233.... mang tên Nguyễn Trần Thanh N.

*(Có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/3/2021 giữa Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng với Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng).*

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị N1 vắng mặt tại phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

### **Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh Lâm Đồng;
- VKS tỉnh Lâm Đồng;
- VKS TP. Đà Lạt;
- Công an TP. Đà Lạt;
- THADS TP. Đ;
- Sở tư pháp Lâm Đồng;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- BP theo dõi THA phạt tù;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

*(đã ký và đóng dấu)*

**Lê Thị Lệ Quyên**